TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 11 – 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Xuân Giao

2. Ông Nguyễn Hưng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 670/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2019/QĐST-HNGĐ ngày11/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H' N, sinh năm 1992, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn B1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Y L, sinh năm 1993, vắng mặt.

Trú tại: Thôn B1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn chị H' N trình bày:

Chị H' N và anh Y L chung sống với nhau từ đầu năm 2012, sau đó mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/02/2015.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn Chị H' N và anh Y L sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, kinh tế mỗi người một ý tự làm ăn riêng, không có tiếng nói chung, vợ chồng không tin tưởng nhau nên hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn phát sinh căng thẳng. Đến tháng 4/2015 anh Y L bỏ nhà đi từ đó đến nay. Chị H' N đã đi tìm nhiều nơi nhưng không có kết quả gì nên đã làm đơn yêu cầu tuyên bố

anh Y L mất tích. Tại Quyết định số 28/2019/QĐST-VDS ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk đã tuyên bố anh Y L mất tích.

Nay chị H' N xác định không còn tình cảm với anh Y L nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H' N được ly hôn với anh Y L.

Về con chung: Chị H' N và anh Y L có 01 con chung là cháu Y Z, sinh ngày 04/7/2014, hiện nay cháu đang ở với chị H' N khi ly hôn chị H' N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y Z cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H' N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Y L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Y L vắng mặt không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H' N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung giữa chị với anh Y L. Đây là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*. Bị đơn anh Y L trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Tại phiên toà bị đơn vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H' N và anh Y L chung sống với nhau từ đầu năm 2012, sau đó mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/02/2015, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn Chị H' N và anh Y L sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, kinh tế mỗi người một ý tự làm ăn riêng, không có tiếng nói chung, vợ chồng không tin tưởng nhau nên hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn phát sinh căng thẳng. Đến tháng 4/2015 anh Y L bỏ nhà đi từ đó đến nay. Chị H' N đã đi tìm nhiều nơi nhưng không có kết quả gì nên đã làm đơn yêu cầu tuyên bố anh Y L mất tích. Tại Quyết định số 28/2019/QĐST-VDS ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk đã tuyên bố anh Y L mất tích. Nay chị H' N xác định không còn tình cảm với anh Y L nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H' N được ly hôn với anh Y L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung:* Chị H' N và anh Y L có 01 con chung là cháu Y Z, sinh ngày 04/7/2014, hiện nay cháu đang ở với chị H' N, khi ly hôn chị H' N có nguyện vọng

được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y Z cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H' N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H' N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H' N.

1. Về hôn nhân: Chị H' N được ly hôn với anh Y L.

2. Về con chung: Giao cháu Y Z, sinh ngày 04/7/2014 cho chị H' N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H' N không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Y L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị H' N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H' N đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002253 ngày 19/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk ;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- UBND xã C, TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Trần Đại Minh